

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu đô thị số 2, 3 cạnh Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt Hàn”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 271/TTr-TNMT ngày 13/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu đô thị số 2, 3 cạnh Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt Hàn” (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Đô Bắc Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ thành lập theo Quyết định số 421/QĐ-TNMT ngày 06/6/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND thành phố Bắc Giang; UBND xã Đình Trì; Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Đô Bắc Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Đô Bắc Giang (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.^{Toàn}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
“Khu đô thị số 2, 3 cạnh Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt Hàn”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu đô thị số 2, 3 cạnh Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt Hàn.

- Địa điểm thực hiện: Xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Đô Bắc Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích đất thực hiện dự án khoảng 10,4 ha.

- Quy mô, công suất của dự án: Dự án được đầu tư xây dựng đồng bộ phần kết cấu hạ tầng kỹ thuật và một phần kết cấu hạ tầng xã hội trên 02 khu đất có tổng diện tích khoảng 10,4 ha, gồm:

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật:

++ Khu số 2: Quy mô diện tích khoảng 3,0 ha, thuộc một phần của Đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang được UBND thành phố Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 08/5/2020; gồm các hạng mục: San nền, hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật sau nhà, ga rác, cây xanh hè đường; khuôn viên cây xanh.

++ Khu số 3: Quy mô diện tích khoảng 7,4 ha, thuộc một phần Đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới cạnh Tỉnh lộ 299 và đường trục chính đô thị phía Nam xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang được UBND thành phố Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 26/8/2019, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 06/4/2020; gồm các hạng mục: San nền, hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật sau nhà, ga rác, cây xanh hè đường; khuôn viên cây xanh.

+ Công trình nhà ở: Xây thô, hoàn thiện mặt tiền 19 căn nhà tại 19 lô đất ở liền kề NP1-1 của Khu số 2 (nằm tiếp giáp mặt đường QL.31) với quy mô 05 tầng, diện tích đất ở 2.143 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 8.572 m².

+ Quy mô dân số: Khoảng 1.200 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: San nền, hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật sau nhà, ga rác, cây xanh hè đường; khuôn viên cây xanh.

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động triển khai xây dựng dự án (thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án).
- Hoạt động vận hành dự án (hoạt động của người dân trong khu vực dự án).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, với tổng diện tích 10,4 ha; trong đó có khoảng 9,5 ha (95.451,4 m²) là đất trồng lúa nước 02 vụ/năm, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng khoảng 10,4 ha, trong đó khoảng 9,5 ha (95.451,4m²) là diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Hoạt động san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động san nền và đào đắp các hạng mục công trình dự án; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất san nền, vận chuyển chất thải; bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối bê tông nhựa.

++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường; quá trình hàn; từ quá trình tưới nhựa bám dính, thấm bám, trải bê tông nhựa nóng.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc, thiết bị (từ hoạt động vệ sinh, làm mát máy móc, thiết bị, dưỡng hộ bê tông, rửa xe) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; từ hoạt động đào, đắp san nền và hoạt động tháo dỡ, hạ ngầm đường điện 35 kV.

+ Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng.

- Tác động không liên quan đến chất thải như: Tác động do tiếng ồn; độ rung; tác động đến hệ thống giao thông khu vực; tác động đến cơ sở hạ tầng khu vực; tác động tới kinh tế - xã hội; tác động tới cảnh quan khu vực;...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố liên quan tới đề điều trên tuyến đường vận chuyển cát, đá gây ra; sự cố ngập úng, bồi lắng, sạt lở, xói mòn; các rủi ro sự cố do thiên tai, thời tiết bất thường...

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Hoạt động sinh sống của các hộ dân trong khu vực dự án:

+ Phát sinh nước thải từ các hộ dân.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án; từ hoạt động xây dựng thứ cấp của các hộ dân tại dự án. Phát sinh khí thải từ hoạt động đun nấu của người dân, từ máy điều hòa nhiệt độ. Mùi hôi từ khu tập kết rác thải sinh hoạt và hệ thống thu gom nước thải.

+ Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày tại khu vực dự án.

+ Chất thải thông thường từ hoạt động duy tu, bảo dưỡng hạ tầng; chất thải thông thường từ hoạt động xây dựng thứ cấp của các hộ dân; bùn thải từ bể tự hoại và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của người dân.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Chất thải phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố khi xảy ra thiên tai (bão, lũ lụt, sét,...); sự cố tắc/vỡ đường ống thoát nước; sự cố do trạm biến áp của dự án; sự cố lây lan dịch bệnh...

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* *Nước thải:*

- Nước thải thi công: Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động thi công, rửa nguyên vật liệu và quá trình vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới phục vụ xây dựng khoảng 2,5 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, dầu mỡ,...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 4,0 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, tổng Coliforms,....

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

* *Bụi, khí thải:*

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền và đào đắp các hạng mục công trình dự án; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất đá san nền; từ hoạt động bóc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt

đường trước khi trải nhựa (tuyến đường nội bộ) có thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất san nền, chất thải; từ hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải (hơi nhựa) phát sinh từ quá trình tưới nhựa bảm dính, thấm bảm, trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC_s...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 20 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động tháo dỡ, hạ ngầm đường điện 35 kV khoảng 6,33 tấn.

- Đất bóc hữu cơ bề mặt diện tích đất lúa khoảng 15.080 m³.

- Chất thải xây dựng (như: gạch vỡ, sỏi, đá, cát, mẫu sắt thép, vỏ bao xi măng...) phát sinh khoảng 1,42 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng (như: dầu thải, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; dầu nhớt tổng hợp thải, thùng chứa dầu nhớt, ắc quy thải,...) khoảng 45 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc thiết bị thi công xây dựng.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải như: Tác động do tiếng ồn; độ rung; tác động đến hệ thống giao thông khu vực; tác động đến cơ sở hạ tầng khu vực; tác động tới kinh tế - xã hội; tác động tới cảnh quan khu vực;...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố liên quan tới đê điều trên tuyến đường vận chuyển cát, đá gây ra; sự cố ngập úng, bồi lắng, sạt lở, xói mòn; các rủi ro sự cố do thiên tai, thời tiết bất thường...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* *Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sinh sống tại dự án khoảng 318,5m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Coliforms,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực kéo theo đất, cát, chất cặn bã xuống cống thoát nước xung quanh, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

* *Bụi, khí thải:*

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình xây dựng công trình, nhà ở của các hộ dân tại dự án.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, SO₂...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

+ Mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải sinh hoạt và hệ thống thu gom nước thải, với thông số ô nhiễm đặc trưng là Amoni, H₂S...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân sống tại dự án, khoảng 1.872 kg/ngày.

- Bùn thải từ bể tự hoại, khoảng 48 m³/năm, tương đương 50,4 tấn/năm.

- Chất thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Bùn, cặn từ hoạt động nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải khoảng 10,35 m³/năm, cành cây bị chặt bỏ khoảng 10 m³/năm (sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão); quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật có phát sinh vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá dỡ, bê tông hỏng,... khối lượng phát sinh không xác định, phụ thuộc vào từng đợt duy tu,...

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng thứ cấp của các hộ dân tại dự án: khối lượng phát sinh không xác định, phụ thuộc vào người dân,...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án (như: Bóng đèn huỳnh quang thải, dầu thải, pin hỏng, linh kiện điện tử hỏng,...) phát sinh khoảng 7,2 kg/tháng.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dân cư và khu vực công cộng.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; tác động gia tăng dân số cơ học ảnh hưởng đến khu vực; tác động đến việc khớp nối hạ tầng dự án với hạ tầng xung quanh.

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; Sự cố về thiên tai: bão, lũ lụt, sét,...; sự cố tắc vỡ đường ống thu gom nước mưa, nước thải; sự cố hỏng hóc trạm biến áp của dự án; sự cố lây lan dịch bệnh.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Dự án chia làm 2 phân khu là phân khu số 2 và phân khu số 3. Tại mỗi phân khu, Chủ dự án bố trí 01 nhà vệ sinh di động, thiết kế ngăn đôi phòng riêng biệt cho nam và nữ, đồng bộ hợp khối (bể xử lý 3 ngăn, dung tích 30m³/bể) đặt nổi để thu gom nước thải sinh hoạt.

Định kỳ 01 tháng/lần hoặc khi bể chứa đầy, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể thải mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải thi công:

+ Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công: Chủ dự án bố trí bãi chứa nguyên liệu (cát, sỏi, xi măng...) để thuận tiện cho việc phối trộn, tránh bố trí phân tán tràn lan trên khắp công trường gây lãng phí nguyên vật liệu, ô nhiễm môi trường cũng như khó khăn trong công tác quản lý.

+ Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

+ Nước thải từ hoạt động rửa nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị: Tại mỗi khu (số 2 và số 3) bố trí khoảng 02 thùng phuy, dung tích 200 lít/thùng để chứa nước thải rửa nguyên vật liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị. Sau đó nước thải này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

+ Nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe: Tại mỗi khu (số 2 và số 3) xây dựng 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 03 m³/hố để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước đập bụi trên công trường thi công, không xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hạn chế nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công xây dựng, vạch tuyến rãnh đất thoát nước tạm thời trong giai đoạn thi công được thiết kế đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn; tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước, hố lắng thường xuyên; hạn chế triển khai thi công vào mùa mưa bão; không tập kết nguyên vật liệu xây dựng gần rãnh thoát nước.

+ Thi công hệ thống thoát nước song song với hệ thống giao thông để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hệ thống thoát nước khu vực dự án.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Tưới nước trên công trường với tần suất 02 lần/ngày. Tưới nước dọc tuyến đường vận chuyển khi thời tiết khô hanh nắng nóng, gió mạnh với tần suất 3 - 4 lần/ngày tại những khu vực phát sinh nhiều bụi.

- Bố trí cầu rửa xe tại vị trí cổng công trường xây dựng, đảm bảo xe chở nguyên vật liệu, đất đá thải ra khỏi công trình phải được rửa sạch bánh, thân xe, bao che đầy đủ mới được lưu hành trên đường.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân (như: khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động) trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

- Thiết lập hàng rào tôn cao 3m che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh đặc biệt là ranh giới giáp khu dân cư hiện trạng thôn Đông Thịnh và khu dân cư sát QL.31.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng:

+ Trước khi thực hiện công tác thổi bụi để trải bê tông nhựa nóng (BTNN). Nhà thầu thi công yêu cầu công nhân tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Đây là một trong các hoạt động làm phát sinh bụi nhiều nhất trong quá trình thi công các tuyến đường, do vậy để giảm thiểu tác động đến môi trường không khí xung quanh, thực hiện nhanh, gọn, hạn chế thực hiện vào những ngày gió lớn. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

+ Mua BTNN tại các trạm trộn trên địa bàn chờ đến công trình để giảm thiểu tác động do đốt nóng chảy nhựa đường trên công trường.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi, rải BTNN và các công nhân làm việc trong khu vực này (như: kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ,...).

+ Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi rải nhựa; khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước khoan vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn hàn: Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy, chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Đồng thời, trang bị các thiết bị an toàn lao động cá nhân cho công nhân khi hàn (như: mũ, mặt nạ, quần áo bảo hộ lao động,...).

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom chất thải.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý mang đi xử lý theo quy định, tần suất 03 lần/tuần.

* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn từ hoạt động tháo dỡ và hạ ngầm đường điện: Chủ dự án phối hợp với Công ty Điện lực Bắc Giang thực hiện tháo dỡ cột điện, quả sứ cách điện, khung sắt,... Sau đó toàn bộ lượng chất thải rắn này được bàn giao và vận chuyển về Công ty Điện lực Bắc Giang.

- Đất đào, bóc hữu cơ bề mặt (khoảng 15.080 m³) được tận dụng đắp vào các khu đất trồng cây xanh trong phạm vi dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Trường hợp sử dụng đất đào này làm vật liệu san nền tại dự án hoặc vận chuyển đi làm vật liệu xây dựng, đắp nền các công trình, dự án khác, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành thi công tại thực địa.

- Chất thải xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng (như: bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư thừa,...) được bán cho đơn vị thu mua.

+ Các phế liệu là các chất trơ, không gây độc (như: gạch vỡ, đất cát dư) được đập nhỏ tận dụng cho việc san lấp mặt bằng bãi đỗ xe.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Hạn chế tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công trong khu vực dự án. Các xe vận chuyển được đưa đến các Gara để rửa, sửa chữa và bảo dưỡng để hạn chế phát sinh chất thải.

- Chủ dự án bố trí 04 thùng phi có nắp đậy, dung tích 200 lít để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa CTNH có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại, theo quy định và được lưu chứa tại kho chứa CTNH có diện tích 4m², nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo.

- Chủ dự án thực hiện việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường; đồng thời, hợp đồng thuê đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định, tần suất chậm nhất 12 tháng/lần.

4.1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Máy móc, thiết bị phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động (như: nút tai, bao tai...) để chống ồn, đảm bảo sức khỏe.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý nhằm giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Có kế hoạch thi công hợp lý, các thiết bị gây tiếng ồn lớn không được hoạt động trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.

4.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phổ biến cho tất cả các cán bộ, công nhân thi công trên công trường biết về nội quy lao động và an toàn lao động, thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc công nhân thực hiện đúng nội quy.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị vận tải để các phương tiện luôn hoạt động trong trạng thái tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi,...

- Xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ theo quy định. Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sau khi qua xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, được dẫn vào hệ thống rãnh B300 xây dựng dọc theo phía sau các dãy nhà liền kề và cống HDPE D300 xây dựng dọc theo vỉa hè và ngoài phố xung quanh các công trình chung cư, hỗn hợp. Toàn bộ lượng nước thải được thu gom về xử lý tại trạm XLNT tập trung của thành phố Bắc Giang (dự kiến với công suất xử lý 30.000 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Thương (theo Công văn số 3524/UBND-QLĐT ngày 31/8/2023 của UBND thành phố Bắc Giang về việc chấp thuận xây dựng tuyến cống thoát nước thải nằm ngoài ranh giới; đầu nổi thoát nước mưa, nước thải cho dự án Khu đô thị số 2, 3 cạnh Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt Hàn), cụ thể như sau:

+ Khu 2: Toàn bộ lưu lượng nước thải từ các hộ dân được thu gom bằng mương B300, sau đó đổ ra các hố ga nước thải ngoài hạ tầng. Nước thải hạ tầng

được vận chuyển bằng hệ thống đường ống HDPE D300 - SN4 ống gân xoắn 2 lớp về điểm đầu nối, qua đường dùng HDPE D300 - SN8. Là một phần của đồ án Khu đô thị cạnh trường Cao đẳng Nghề Công Nghệ Việt Hàn (tỷ lệ 1/500), xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang của UBND thành phố Bắc Giang với tổng công suất sử dụng 85,5 m³/ngày đêm, các vị trí như sau:

++ Vị trí 01: Đầu nối tại ga G48 có tọa độ X = 421973.181, Y = 2354954.237;

++ Vị trí 02: Đầu nối tại ga T58 có tọa độ X = 421982.980, Y = 2354964.694;

++ Nước thải được vận chuyển trên tuyến ống HDPE D300 ống gân xoắn 2 lớp của dự án Khu đô thị cạnh trường Cao đẳng Nghề Công Nghệ Việt Hàn về ga T74 đã thi công.

+ Khu 3: hệ thống thu gom tương tự như khu 2. Là thuộc một phần của đồ án Khu đô thị mới cạnh đường tỉnh lộ 299 và đường trục chính Phía Nam (1/500), xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang với tổng công suất sử dụng 233 m³/ngày đêm, các vị trí như sau:

++ Vị trí 03: Đầu nối tại ga T74 có tọa độ X = 2354759.23, Y = 421982.98;

++ Vị trí 04: Đầu nối tại ga T75 có tọa độ X = 2354752.42, Y = 422051.32;

++ Vị trí 05: Đầu nối hố ga HT07 có tọa độ X = 2354737.90, Y = 422065.91;

++ Vị trí 06: Đầu nối hố ga HT06 có tọa độ X = 2354731.42, Y = 422072.55;

++ Vị trí 07: Đầu nối hố ga T16.6 có tọa độ X = 2354628.34, Y = 422178.91;

++ Vị trí 08: Đầu nối hố ga HT06 có tọa độ X = 2354613.39, Y = 422193.59;

* Nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, thiết kế đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Dự án được chia làm 06 lưu vực chính thoát nước ra ngoài dự án:

+ Lưu vực 1: Phía đông Nam dự án giáp khu dân cư hiện hữu. Nước mưa được thu gom và đưa về hệ thống thoát nước chung khu vực. Mạng lưới tuyến cống D600 đến D800 kết nối với ga công hộp hiện trạng tại ga G104.

+ Lưu vực 2: Phía Tây Nam dự án giáp khu dân cư tỉnh lộ 299, nước mưa được thu gom và đưa về hệ thống thoát nước chung khu vực. Mạng lưới tuyến cống D600 đến D800 đến nối với ga công hộp hiện trạng tại ga G110

+ Lưu vực 3: Giáp khu 1 dự án Khu đô thị cạnh trường Cao đẳng Việt Hàn – Khu 1, nước mưa được thu gom vào hệ thống tuyến cống hộp B1500. Đây là tuyến chính thoát nước cả khu vực được kết nối đảm bảo thoát nước cho các dự án lân cận về sau.

+ Lưu vực 4: Giáp khu 1 dự án Khu đô thị cạnh trường Cao đẳng Việt Hàn – Khu 1, nước mưa được thu gom vào hệ thống tuyến cống hộp B1500. Đây là tuyến chính thoát nước cả khu vực được xây dựng theo đồ án phân khu.

+ Lưu vực 5: Bao gồm toàn bộ khu 2 nước mưa được thu gom và đưa về hệ thống thoát nước chung khu vực. Mạng lưới tuyến cống D600 đến D800 đến nối với ga G47 được đặt chờ sẵn theo định hướng quy hoạch.

+ Lưu vực 6: Cục bộ cho tuyến đường QL31. Mạng lưới tuyến cống D600 đến nối với ga G6 được đặt chờ sẵn theo định hướng quy hoạch.

- Mạng lưới thoát nước mưa thiết kế mạng lưới tự chảy bằng cống tròn BTCT đúc sẵn có kích thước D600 đến D800, L=3m kết hợp mương hộp B1500 BTCT đúc sẵn L=1,5m được đặt dưới hè đường hai bên và 1 bên lề đường tùy theo tính chất cụ thể của đoạn, đảm bảo nguyên tắc nước mưa được thu triệt để và thoát nhanh nhất không gây ứ đọng.

- Các loại ga thu thăm, ga thu được đặt trên hè đường, lòng đường bằng BTCT M250 thu nước mưa từ mặt đường và từ các công trình. Ga thu được đặt tại vị trí tự thủy. Khoảng cách ga thu $\leq 30\text{m}$.

4.2.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn có nắp đậy.

- Định kỳ 06 tháng/lần nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án.

- Trên các trục đường bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng ven tuyến đường nội bộ, cứ khoảng 100 m bố trí 01 thùng.

- Khuyến khích các hộ dân, hộ kinh doanh trong dự án sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch như điện, năng lượng mặt trời. Bên cạnh đó, tại các nhà bếp của mỗi hộ dân, hộ kinh doanh khuyến khích lắp đặt hệ thống chụp hút khói hiện đang được sử dụng khá phổ biến.

4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải sinh hoạt:

- Trên các trục đường đặt các thùng rác công cộng có dung tích 240l/thùng, với khoảng cách của các thùng rác từ 60m - 80m/1 thùng để dân thuận tiện bỏ rác.

Hàng ngày rác thải phát sinh từ hộ gia đình, khu vực công cộng được tổ vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển tới ga tập kết rác thải của khu vực (tần suất 01 lần/ngày).

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình và các công trình công cộng: các hộ gia đình và các đơn vị quản lý công trình công cộng có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình, với tần suất khuyến khích 01 lần/năm.

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng thứ cấp: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động xây dựng các công trình thứ cấp này. Trong quá trình xây dựng, yêu cầu người dân và đơn vị xây dựng các công trình công cộng thực hiện các

biện pháp thu gom, xử lý chất thải xây dựng phát sinh theo quy định, không đổ bừa bãi chất thải ra môi trường, không để vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng đường.

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án:

- Các loại chất thải rắn phát sinh như bùn đất, cây cối: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (đối với bùn nạo vét: định kỳ 06 tháng/lần; đối với cây cối: vận chuyển khi phát sinh).

- Đối với đường bê tông hồng phải bóc đi để sửa, sau này sẽ thực hiện bằng công nghệ mới để tái chế, tái sử dụng lại bê tông nhựa vừa được bóc tách ra. Đơn vị được bàn giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng các đơn vị có chức năng để tiến hành duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật vừa đảm bảo quá trình duy tu, bảo dưỡng vừa đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Đối với dầu thải từ thay dầu máy biến áp: Đơn vị quản lý (Công ty Điện lực Bắc Giang) có trách nhiệm hợp đồng thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

- Đối với CTNH tại các hộ dân: Các hộ dân có trách nhiệm tự thu gom, phân loại, xử lý theo quy định.

- Đối với CTNH từ trường học, trung tâm thương mại, nhà văn hóa: Các đơn vị trực tiếp quản lý có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh trong khu vực dự án có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100 m đến 200 m.

- Thi công đường ống thu gom nước thải theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và phụ tùng đường ống theo áp lực nước thải cần thu gom.

- Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài. Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)

a) Giám sát chất lượng không khí:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng (01 vị trí tại trung tâm khu số 2; 02 vị trí tại phân khu số 3, cụ thể như sau: 01 vị trí tại phía Tây khu số 3, 01 vị trí tại phía Đông khu số 3 phía sau Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt Hàn).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong quá trình thực hiện dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

b) Giám sát chất thải:

- Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh, lưu giữ.

- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án (thuộc trách nhiệm của đơn vị được bàn giao quản lý dự án)

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Thực hiện và sử dụng tầng đất mặt của dự án đảm bảo theo đúng phương án đã xây dựng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong quá trình triển khai dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 271/TTr-TNMT ngày 13/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.